

だい5か あんぜん

## 第5課 安全

### An toàn

#### ■ 目標 ■

安全に行動するために、注意を聞いて理解できる。

Có thể nghe và hiểu được các chú ý để hành động an toàn.

異常に気づいたら、すぐ指導員に報告することができる。

Có thể báo cáo ngay cho người hướng dẫn nếu nhận thấy bất thường.

熱中症の予防方法が理解できる。

Có thể hiểu được cách dự phòng sốc nhiệt.

安全

An toàn

■<sup>かいわ</sup>会話I■

ワンさんは佐藤さんに草刈機の使い方を教えてもらっています。

佐藤 でんげんを 入れて、さゆうに うごかして。  
電源を 入れて、左右に 動かして。

ワン はい。

あ、くさが からまりました。  
あ、草が 絡まりました。

佐藤 あぶない！ さわっちゃ だめだよ！  
危ない！ 触っちゃ だめだよ！

でんげんを きって。  
電源を 切って。

ワン はい。

佐藤 けがを するから、かならず でんげんを きってね。  
けがを するから、必ず 電源を 切ってね。

ワン すみません。

でんげんを きってから、からまった くさを とります。  
電源を 切ってから、絡まった 草を とります。



安全

An toàn

■<sup>かいわ</sup>会話I■

Wang đang được Sato hướng dẫn cách sử dụng máy cắt cỏ.

Sato           Hãy mở nguồn điện, dịch chuyển sang trái phải.

Wang           Vâng.

Á, cỏ bị cuốn vào rồi.

Sato           Nguy hiểm! Không được sờ vào!

Hãy tắt nguồn điện!

Wang           Vâng.

Sato           Nhất định phải tắt nguồn điện, nếu không sẽ bị thương đấy.

Wang           Tôi xin lỗi.

Tắt nguồn điện rồi thì lấy cỏ bị cuốn ra.

安全

An toàn

■<sup>かいわ</sup>会話2■

リンさんは牛舎で作業をしています。機械の様子がいつもと違います。

リン       これを   つけて…。   よし！

あれ？

すずきさん、すみません。

鈴木さん、すみません。

鈴木       どうしたの？

きかいから   へんな   おとが   します。

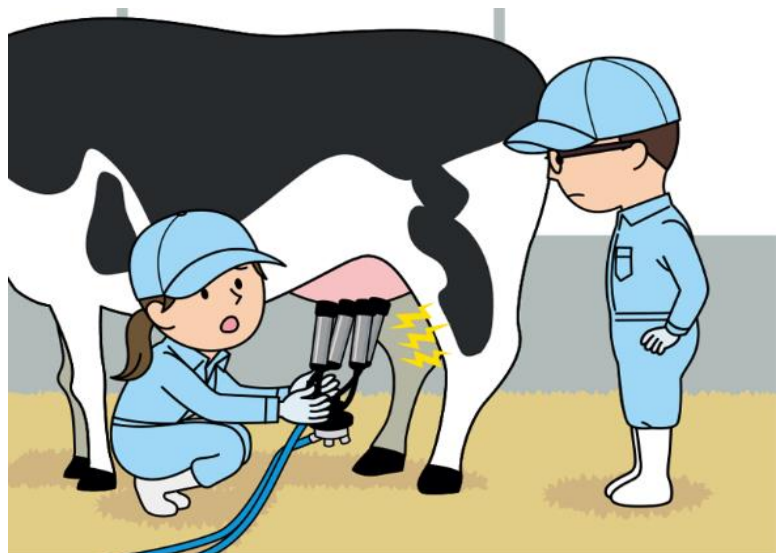
リン       機械から   変な   音が   します。

鈴木       そうだね。

じゃ、ちょっと   とめて。

じゃ、ちょっと   止めて。

リン       わかりました。



安全

An toàn

■ かいわ 会話 2 ■

Lin đang làm việc ở chuồng bò. Cái máy không như mọi khi.

Lin            Gắn cái này ... Xong!

Ừa?

Anh Suzuki à, xin lỗi...

Suzuki        Có chuyện gì vậy?

Lin            Cái máy có tiếng lạ.

Suzuki        Ừ nhỉ.

Vậy, hãy dừng lại một chút.

Lin            Tôi hiểu rồi.

安全

An toàn

■<sup>かいわ</sup>会話3■

ワンさんは畑で作業しています。

佐藤 そろそろ きゅうけいしよう。  
そろそろ 休憩しよう。

ワン はい。

きょうも あついですね。  
今日も 暑いですね。

のどが かわきました。  
のどが 渴きました。

佐藤 ときどき みずを のんだ ほうが いいよ。  
ときどき 水を 飲んだ ほうが いいよ。

ねっちゅうしょうに なるから。  
熱中症に なるから。

ワン ねっちゅ…?

佐藤 「ねっちゅうしょう」。

あせを かくと、からだの すいぶんや えんぶんが なくなって、たおれる ことも あるんだよ。  
汗を かくと、体の 水分や 塩分が なくなって、倒れる ことも あるんだよ。

だから、みず、わすれないでね。  
だから、水、忘れないでね。

ワン わかりました。



安全

An toàn

■<sup>かいわ</sup>会話3■

Wang đang làm việc ở vườn.

Sato Chuẩn bị nghỉ giải lao thôi.

Wang Vâng.

Hôm nay cũng nóng nhỉ.

Khát nước quá.

Sato Thỉnh thoảng nên uống nước vào.

Không là bị sốc nhiệt đấy.

Wang ねっちゅ…?

Sato "ねっちゅうしょう".

Khi đổ mồ hôi, nước và muối trong cơ thể bị mất đi, có khi ngất xỉu đấy.

Cho nên đừng quên uống nước nhé.

Wang Tôi hiểu rồi.

安全

An toàn

■ことば■

	ことば	読み
1	電源を入れる	でんげんをいれる
2	左右	さゆう
3	動かす	うごかす
4	草	くさ
5	絡まる	からまる
6	危ない	あぶない
7	触る	さわる
8	けがをする	けがをする
9	電源を切る	でんげんをきる
10	機械	きかい
11	変(な)	へん(な)
12	音	おと
13	止める	とめる
14	休憩(する)	きゅうけい(する)
15	のどが渴く	のどがかわく
16	熱中症	ねっちゅうしょう
17	汗をかく	あせをかく
18	水分	すいぶん
19	塩分	えんぶん
20	倒れる	たおれる
21	押す	おす
22	踏む	ふむ
23	近づく	ちかづく
24	におい	におい
25	鳴き声	なきごえ
26	日陰	ひかげ
27	冷やす	ひやす
28		
29		
30		



安全

An toàn

	意味 <sup>いみ</sup>
1	Mở nguồn điện
2	Trái phải
3	Dịch chuyển
4	Cỏ
5	Bị cuốn vào
6	Nguy hiểm
7	Sờ
8	Bị thương
9	Tắt nguồn điện
10	Máy
11	Lạ
12	Tiếng
13	Dùng
14	(Nghỉ) Giải lao
15	Khát nước
16	Sốc nhiệt
17	Đổ mồ hôi
18	Nước
19	Muối
20	Ngát xiu
21	Nhấn
22	Giảm
23	Đến gần
24	Mùi
25	Tiếng kêu
26	Bóng râm
27	Làm mát
28	
29	
30	

安全

An toàn

■ 応用練習 ■

④⑤にあなたが使う文を書きましょう。  
指導員にチェックしてもらいましょう。

★ ~ちゃ/じゃ だめだよ

あぶない! さわっちゃ だめだよ!

危ない! 触っちゃ だめだよ!

それを おしちゃ だめだよ。

① それを 押しちゃ だめだよ。

それを ふんじゃ だめだよ。

② それを 踏んじゃ だめだよ。

そこに ちかづいちゃ だめだよ。

③ そこに 近づいちゃ だめだよ。

④

⑤

★ ~が します

きかいから へんな おとが します。

機械から 変な 音が します。

へんな においが します。

① 変な においが します。

② いい においが します。

へんな なきごえが します。

③ 変な 鳴き声が します。

④

⑤

★ ~た ほうが いい

ときどき みずを のんだ ほうが いいよ。

ときどき 水を 飲んだ ほうが いいよ。

ひかげで やすんだ ほうが いいです。

① 日陰で 休んだ ほうが いいです。

えんぶんを とった ほうが いいです。

② 塩分を とった ほうが いいです。

からだを ひやした ほうが いいですか。

③ 体を 冷やした ほうが いいですか。

④

⑤

安全

An toàn

■ 応用練習 ■

Hãy viết câu mà bạn dùng vào ④⑤.

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.

★ ~ちゃ/じゃ だめだよ

Nguy hiểm! Không được sờ vào!

- ① Nhân cái đó là không được đâu đấy.
- ② Giẫm cái đó là không được đâu đấy.
- ③ Đến gần chỗ đó là không được đâu đấy.
- ④
- ⑤

★ ~が します

Cái máy có tiếng lạ.

- ① Người thấy mùi lạ.
- ② Người thấy mùi thơm.
- ③ Nghe thấy tiếng kêu lạ.
- ④
- ⑤

★ ~た ほうが いい

Thỉnh thoảng nên uống nước vào.

- ① Bạn nên nghỉ ngơi trong bóng râm.
- ② Bạn nên hấp thụ muối.
- ③ Tôi có nên làm mát cơ thể không?
- ④
- ⑤

## わたしの かいわ

モデル<sup>かいわ</sup>会話を<sup>さんこう</sup>参考にして、<sup>かいわ</sup>会話を<sup>か</sup>書きましょう。

Hãy tham khảo đoạn hội thoại mẫu và viết hội thoại.

<sup>しどういん</sup>指導員にチェックしてもらいましょう。

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.